

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TOÀN CÔNG TY
Ngày 31 tháng 12 năm 2010

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010	Điều chỉnh nội bộ	Cơ quan công ty	BQL Hà Nội	BQL Hà Tây	CN TP.HCM		01/01/2010
1	2	3	4=5+6+7+8+9+10	5	6	7	8			11
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		399.180.165.260	-2.760.450.378	398.299.239.267	1.714.930.539	926.342.199	1.000.103.633		92.603.581.193
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		44.826.663.231		44.026.237.852	19.968.329	380.509.561	49.947.489		47.494.452.950
1. Tiền	111	V.01	7.476.663.231	-37.000.000.000	44.026.237.852	19.968.329	380.509.561	49.947.489		47.494.452.950
2. Các khoản tương đương tiền	112		37.350.000.000	37.350.000.000						
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02	70.517.330.059		70.517.330.059	0	0	350.000.000		3.704.230.470
1. Đầu tư ngắn hạn	121		70.517.330.059	-350.000.000	70.517.330.059	0	0	350.000.000		4.088.893.970
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn (*)	129		0			0	0			-384.663.500
III. Các khoản phải thu	130		68.734.701.436	-7.468.339.774	76.010.128.319	1.513.400	191.399.491	0		28.412.769.162
1. Phải thu khách hàng	131		50.411.363.095		50.411.363.095					10.630.380.010
2. Trả trước cho người bán	132		5.937.517.539		5.755.987.439		181.530.100			11.084.766.428
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		0	-7.468.339.774	7.468.339.774					
4. Phải thu theo tiến độ hợp đồng xây dựng	134		0							
5. Các khoản phải thu khác	135	V.03	12.385.820.802		12.374.438.011	1.513.400	9.869.391			6.697.622.724
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (*)	139		0							
IV. Hàng tồn kho	140		183.799.217.318	4.707.889.396	179.091.327.922	0	0	0		0
1. Hàng tồn kho	141	V.04	183.799.217.318	4.707.889.396	179.091.327.922					
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		0							
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		31.302.253.216	0	28.654.215.115	1.693.448.810	354.433.147	600.156.144		12.992.128.611
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		73.655.628		37.197.034	36.458.594				148.061.426
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		21.279.914.230		21.213.756.272	32.618.667	33.383.147	156.144		4.272.561.849
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.05	0							
4. Tài sản ngắn hạn khác	155		9.948.683.358		7.403.261.809	1.624.371.549	321.050.000	600.000.000		8.571.505.336
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		454.875.461.965	0	454.875.461.965	4.707.889.396	0	0	0	224.411.404.990
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		0	0	0	0	0	0		
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		0							
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		0							
3. Phải thu nội bộ dài hạn	213	V.06	0	0						
4. Phải thu dài hạn khác	218	V.07	0							
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		0							
II. Tài sản cố định	220		48.599.116.656		48.599.116.656	4.707.889.396	0	0		161.424.433.173
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	4.673.795.338		4.673.795.338	0	0			1.809.382.612
- Nguyên giá	222		6.111.314.361		6.111.314.361	0	0			2.632.657.997
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		-1.437.519.023		-1.437.519.023	0	0			-823.275.385
2. Tài sản thuê tài chính	224	V.09	0							
- Nguyên giá	225		0							
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		0							
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	0							
- Nguyên giá	228		0							
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		0							

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	31/12/2009	Điều chỉnh nội bộ	Cơ quan công ty	BQL Hà Nội	BQL Hà Tây			01/01/2009
	1	2	3	4=5+6+7+8+9+10	5	6	7	8			11
4.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11	43.925.321.318	-4.707.889.396	43.925.321.318	4.707.889.396				159.615.050.561
III.	Bất động sản đầu tư	240	V.12	0		0	0	0	0	0	
	- Nguyên giá	241									
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242									
IV.	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		406.276.345.309		406.276.345.309	0	0	0	0	61.361.971.818
1.	Đầu tư vào công ty con	251		0							
2.	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		8.200.000.000		8.200.000.000					2.000.000.000
3.	Đầu tư dài hạn khác	258	V.13	398.076.345.309		398.076.345.309					59.361.971.818
4.	Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn (*)	259		0							
V.	Tài sản dài hạn khác	260		0		0	0	0	0	0	1.624.999.999
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14	0		0					1.624.999.999
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.21	0							
3.	Tài sản dài hạn khác	268		0				0			
VI.	Lợi thế thương mại	269		0				0			0
TỔNG CỘNG TÀI SẢN		270		854.055.627.225	-2.760.450.378	853.174.701.232	6.422.819.935	926.342.199	1.000.103.633		317.014.986.183

NGUỒN VỐN		Mã số	Thuyết minh	31/12/2009	Điều chỉnh nội bộ	Cơ quan công ty	BQL Hà Nội	BQL Hà Tây	CN TP.HCM		01/01/2010
	1	2	3	4=5+6+7+8+9+10	5	6	7	8			11
A.	NỢ PHẢI TRẢ	300		506.248.732.036	-7.468.339.774	505.366.235.740	6.422.819.935	926.342.199	1.001.673.936		179.064.229.334
I.	Nợ ngắn hạn	310		498.470.782.427	-7.468.339.774	497.588.286.131	6.422.819.935	926.342.199	1.001.673.936		178.981.074.096
1.	Vay và nợ ngắn hạn	311	V.15	247.653.014.314		247.653.014.314					6.716.429.000
2.	Phải trả người bán	312		21.527.050.349		21.405.175.413		120.201.000	1.673.936		192.788.410
3.	Người mua trả tiền trước	313		0							
4.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.16	8.054.579.285		8.040.866.638	8.272.795	5.439.852			17.631.414.480
5.	Phải trả công nhân viên	315		1.077.209.892		704.738.287	183.964.020	188.507.585			585.210.112
6.	Chi phí phải trả	316	V.17	11.940.476.008		11.940.476.008					23.295.816.238
7.	Phải trả nội bộ ngắn hạn	317		0	-7.468.339.774		6.195.508.780	272.830.994	1.000.000.000		
8.	Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		0							
9.	Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.18	199.827.716.943		199.453.279.835	35.074.340	339.362.768			130.559.415.856
10.	Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		0							
11.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		8.390.735.636		8.390.735.636					
II.	Nợ dài hạn	330		7.777.949.609	0	7.777.949.609	0	0	0	0	83.155.238
1.	Phải trả dài hạn người bán	331		0							
2.	Phải trả nội bộ dài hạn	332	V.19	0	0			0			
3.	Phải trả dài hạn khác	333		7.697.797.200		7.697.797.200					54.000.000
4.	Vay và nợ dài hạn	334	V.20	0							
5.	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	V.21	0							
6.	Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		80.152.409		80.152.409					29.155.238
7.	Dự phòng phải trả dài hạn	337		0							
8.	Doanh thu chưa thực hiện	338		0							
9.	Quỹ phát triển khoa học công nghệ	339		0							
B.	VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		347.806.895.189	0	347.808.465.492	0	0	-1.570.303		137.950.756.849
I.	Vốn chủ sở hữu	410	V.22	347.806.895.189	0	347.808.465.492	0	0	-1.570.303		137.950.756.849
1.	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		200.000.000.000		200.000.000.000					100.000.000.000

NGUỒN VỐN		Mã số	Thuyết minh	31/12/2009	Điều chỉnh nội bộ	Cơ quan công ty	BQL Hà Nội	BQL Hà Tây	CN TP.HCM		01/01/2010
1	2	3	4=5+6+7+8+9+10	5	6	7	8				11
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		99.848.889.000		99.848.889.000						
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		0								
4. Cổ phiếu ngân quỹ (*)	414		0								
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		0								
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		0								
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		17.448.756.849		17.448.756.849						802.880.893
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		2.912.000.000		2.912.000.000						322.000.000
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		2.590.000.000		2.590.000.000						
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		25.007.249.340		25.008.819.643				-1.570.303		36.825.875.956
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		0								
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		0								
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		0		0						0
1. Nguồn kinh phí	432	V.23	0								
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		0								
C. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	433		0								
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		854.055.627.225	-7.468.339.774	853.174.701.232	6.422.819.935	926.342.199	1.000.103.633	0		317.014.986.183

Hà Nội, ngày 20 tháng 01 năm 2011

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		399.180.165.260	92.603.581.193
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		44.826.663.231	47.494.452.950
1. Tiền	111	V.01	7.476.663.231	47.494.452.950
2. Các khoản tương đương tiền	112		37.350.000.000	
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02	70.517.330.059	3.704.230.470
1. Đầu tư ngắn hạn	121		70.517.330.059	4.088.893.970
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn (*)	129		0	-384.663.500
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		68.734.701.436	28.412.769.162
1. Phải thu khách hàng	131		50.411.363.095	10.630.380.010
2. Trả trước cho người bán	132		5.937.517.539	11.084.766.428
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		0	0
4. Phải thu theo tiến độ hợp đồng xây dựng	134		0	0
5. Các khoản phải thu khác	138	V.03	12.385.820.802	6.697.622.724
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (*)	139		0	0
IV. Hàng tồn kho	140		183.799.217.318	0
1. Hàng tồn kho	141	V.04	183.799.217.318	0
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		0	0
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		31.302.253.216	12.992.128.611
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		73.655.628	148.061.426
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		21.279.914.230	4.272.561.849
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.05	0	0
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		9.948.683.358	8.571.505.336
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		454.875.461.965	224.411.404.990
I Các khoản phải thu dài hạn	210		0	0
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			0
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212			0
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213	V.06		0
4. Phải thu dài hạn khác	218	V.07		0
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219			0
II. Tài sản cố định	220		48.599.116.656	161.424.433.173
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	4.673.795.338	1.809.382.612
- Nguyên giá	222		6.111.314.361	2.632.657.997
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		-1.437.519.023	-823.275.385
2. Tài sản thuê tài chính	224	V.09	0	0
- Nguyên giá	225			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226			
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	0	0
- Nguyên giá	228			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229			
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11	43.925.321.318	159.615.050.561
III. Bất động sản đầu tư	240	V.12	0	0
- Nguyên giá	241			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242			
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		406.276.345.309	61.361.971.818
1. Đầu tư vào công ty con	251		0	0
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		8.200.000.000	2.000.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.13	398.076.345.309	59.361.971.818
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn (*)	259		0	0
V. Tài sản dài hạn khác	260		0	1.624.999.999
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14	0	1.624.999.999
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.21	0	0
3. Tài sản dài hạn khác	268		0	0
VI. Lợi thế thương mại	269		0	0
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		854.055.627.225	317.014.986.183

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		506.248.732.036	179.064.229.334
I. Nợ ngắn hạn	310		498.470.782.427	178.981.074.096
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.15	247.653.014.314	6.716.429.000
2. Phải trả người bán	312		21.527.050.349	192.788.410
3. Người mua trả tiền trước	313		0	0
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.16	8.054.579.285	17.631.414.480
5. Phải trả công nhân viên	315		1.077.209.892	585.210.112
6. Chi phí phải trả	316	V.17	11.940.476.008	23.295.816.238
7. Phải trả nội bộ	317		0	0
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		0	0
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.18	199.827.716.943	130.559.415.856
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn khác	320		0	0
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		8.390.735.636	0
II. Nợ dài hạn	330		7.777.949.609	83.155.238
1. Phải trả dài hạn người bán	331		0	0
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332	V.19	0	0
3. Phải trả dài hạn khác	333		7.697.797.200	54.000.000
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.20	0	0
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	V.21	0	0
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		80.152.409	29.155.238
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		0	0
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		0	0
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		0	0
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		347.806.895.189	137.950.756.849
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.22	347.806.895.189	137.950.756.849
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		200.000.000.000	100.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		99.848.889.000	0
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		0	0
4. Cổ phiếu ngân quỹ (*)	414		0	0
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		0	0
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		0	0
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		17.448.756.849	802.880.893
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		2.912.000.000	322.000.000
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		2.590.000.000	0
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		25.007.249.340	36.825.875.956
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		0	0
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		0	0
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		0	0
2. Nguồn kinh phí	432	V.23	0	0
3. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		0	0
C. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439		0	0
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	430		854.055.627.225	317.014.986.183

Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2011

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC

BÙI THANH TUẤN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)
Luỹ kế đến 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: Đồng

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	Thuyết Minh	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
1	2	3	4	5
I - LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT, KINH DOANH				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		402.957.886.503	
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		-39.452.117.251	
3. Tiền đã trả cho người lao động	03		-9.127.945.521	
4. Tiền chi trả lãi vay	04		-11.128.719.417	
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		-18.357.783.804	
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		19.509.858.551	
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		-112.911.443.237	
Lưu chuyển thuần từ hoạt động sản xuất, kinh doanh	20		231.489.735.824	0
II - LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		-127.723.578.182	
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		0	
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		0	
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24		0	
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-424.449.622.875	
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		4.806.028.651	
7. Tiền thu từ lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		0	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		-547.367.172.406	0
III - LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		199.998.900.000	
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-9.110.074.087	
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		173.980.000.000	
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		-51.659.179.050	
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		0	
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		0	
Lưu chuyển thuần từ hoạt động tài chính	40		313.209.646.863	0
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		-2.667.789.719	0
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		47.494.452.950	0
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		0	0
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70	VII.34	44.826.663.231	0

Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2011

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC

BÙI THANH TUẤN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
NĂM 2010
Phần I - Lãi, lỗ

Đơn vị tính: VNĐ

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2010	Điều chỉnh nội bộ	Cơ quan Công ty	BQL Hà Nội	BQL Hà Tây	CN TP.HCM		Năm 2009
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	VI.25	252.265.261.662	0	252.265.261.662					210.497.809.310
2. Các khoản giảm trừ (03=04+05+06+07)	3		0	0	0	0	0	0		0
+ Chiết khấu thương mại	4									
+ Giảm giá hàng bán	5									
+ Giá trị hàng bán bị trả lại	6									
+ Thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế XNK phải nộp	7									
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-03)	10		252.265.261.662	0	252.265.261.662	0	0	0		210.497.809.310
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.27	189.202.112.268		189.202.112.268					164.383.079.583
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		63.063.149.394	0	63.063.149.394	0	0	0		46.114.729.727
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.26	10.777.431.115	0	10.776.884.626			546.489		8.821.805.434
7. Chi phí tài chính	22	VI.28	16.883.987.917	0	16.883.987.917			0		-16.172.747.855
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		16.779.606.668	0	16.779.606.668					234.955.200
8. Chi phí bán hàng	24		3.214.189.200		3.214.189.200					
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		13.184.616.927		13.182.500.135			2.116.792		8.763.897.918
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		40.557.786.465	0	40.559.356.768	0	0	-1.570.303		62.345.385.098
11. Thu nhập khác	31		26.500.000		26.500.000					400.344.932
12. Chi phí khác	32		2.420.250.676		2.420.250.676					124.454.546
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		-2.393.750.676	0	-2.393.750.676	0	0	0		275.890.386
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		38.164.035.789	0	38.165.606.092	0	0	-1.570.303		62.621.275.484
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.30	13.156.786.449		13.156.786.449					10.795.399.528
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.30								
17. Lợi nhuận sau thuế (60=50-51)	60		25.007.249.340	0	25.008.819.643	0	0	-1.570.303		51.825.875.956
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		1.250		1.250	0	0	-0	0	5.183

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
ĐẾN 31 THÁNG 12 NĂM 2010
Phần I - Lãi, lỗ

Đơn vị tính: VNĐ

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2010	Năm 2009
1	2	3	4	5
1, Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	252.265.261.662	210.497.809.310
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		0	0
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		252.265.261.662	210.497.809.310
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.27	189.202.112.268	164.383.079.583
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng & cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		63.063.149.394	46.114.729.727
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.26	10.777.431.115	8.821.805.434
7. Chi phí tài chính	22	VI.28	16.883.987.917	-16.172.747.855
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		16.779.606.668	234.955.200
8. Chi phí bán hàng	24		3.214.189.200	
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		13.184.616.927	8.763.897.918
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+ (21-22) - (24+25)}	30		40.557.786.465	62.345.385.098
11. Thu nhập khác	31		26.500.000	400.344.932
12. Chi phí khác	32		2.420.250.676	124.454.546
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		-2.393.750.676	275.890.386
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		38.164.035.789	62.621.275.484
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.30	13.156.786.449	10.795.399.528
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.30	0	0
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60		25.007.249.340	51.825.875.956
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70		1.250	5.183

Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2011

LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC

BÙI THANH TUẤN

TẬP ĐOÀN SÔNG ĐÀ
CÔNG TY CP ĐTXD & PTĐT SÔNG ĐÀ

Phần II - Tình hình thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước

Chỉ tiêu	Số còn phải nộp đầu kỳ	Số phát sinh Quý IV/2010		Luỹ kế từ đầu năm		Số còn phải nộp cuối kỳ
		Số phải nộp	Số đã nộp	Số phải nộp	Số đã nộp	
I - Thuế	17.631.414.480	7.593.614.077	8.008.853.042	20.813.019.648	30.389.854.843	8.054.579.285
1. Thuế GTGT phải nộp	6.802.916.877	0	0	4.831.793.846	11.634.710.723	0
- Cục Thuế Hà Nội	6.802.916.877	0	0	4.831.793.846	11.634.710.723	0
<i>Trong đó: Thuế GTGT hàng NK</i>						0
2. Thuế xuất, nhập khẩu	0	0	0	0	0	0
3. Thuế thu nhập doanh nghiệp	10.795.399.528	5.066.031.198	7.847.233.860	13.156.786.449	18.357.783.804	5.594.402.173
4. Thu trên vốn		0	0	0	0	0
5. Thuế tài nguyên	0	0	0	0	0	0
6. Thuế nhà đất, tiền thuê đất	0	0	0	45.107.000	45.107.000	0
7. Thuế thu nhập cá nhân	33.098.075	107.332.203	161.619.182	354.081.677	347.253.316	39.926.436
8. Thuế môn bài		0	0	5.000.000	5.000.000	0
9. Các loại thuế khác	0	2.420.250.676	0	2.420.250.676	0	2.420.250.676
II - Các khoản phải nộp khác	844.675	134.745.666	88.558.564	493.823.874	447.636.771	47.031.778
1. Các khoản phụ thu						0
2. Các khoản phí, lệ phí						0
3. Các khoản phải nộp khác	844.675	134.745.666	88.558.564	493.823.874	447.636.771	47.031.778
Tổng cộng	17.632.259.155	7.728.359.743	8.097.411.606	21.306.843.522	30.837.491.614	8.101.611.063

Tổng số thuế còn phải nộp năm trước chuyển sang năm nay:

17.631.414.480 ,đồng

Trong đó: Thuế thu nhập doanh nghiệp:

10.795.399.528 ,đồng

Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2011

LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC

BÙI THANH TUẤN

**TẬP ĐOÀN SÔNG ĐÀ
CÔNG TY CP ĐTXD & PTĐT SÔNG ĐÀ**

Phần III - Thuế GTGT được khấu trừ, được hoàn lại, được miễn giảm

Chỉ tiêu	Mã số	Kỳ này	L.kế từ đầu năm
I. Thuế GTGT được khấu trừ	1		
1. Số thuế GTGT còn được khấu trừ, còn được hoàn lại đầu kỳ	10	23.198.704.094	4.272.561.849
2. Số thuế GTGT được khấu trừ phát sinh	11	10.588.335.613	37.732.414.931
3. Số thuế GTGT đã được khấu trừ, đã được hoàn lại (12 = 13 + 14 + 15)	12	12.507.125.477	20.725.062.550
a/ Số thuế GTGT đã khấu trừ	13	11.839.956.636	15.281.445.348
b/ Số thuế GTGT đã hoàn lại	14	667.167.639	5.443.616.000
c/ Số thuế GTGT không được khấu trừ	15	1.202	1.202
4. Số thuế GTGT còn được khấu trừ, còn được hoàn lại cuối kỳ	16	21.279.914.230	21.279.914.230
II. Thuế GTGT được hoàn lại	2		
1. Số thuế GTGT được hoàn lại đầu kỳ	20		
2. Số thuế GTGT được hoàn lại	21		
3. Số thuế GTGT đã hoàn lại	22		
4. Số thuế GTGT còn được hoàn lại cuối kỳ	23		
III. Thuế GTGT được miễn giảm	3		
1. Số thuế GTGT được miễn giảm đầu kỳ	30		
2. Số thuế GTGT được miễn giảm	31		
3. Số thuế GTGT đã được miễn giảm	32		
4. Số thuế GTGT còn được miễn giảm cuối kỳ	33		
IV. Thuế GTGT hàng bán nội địa			
1. Thuế GTGT hàng bán nội địa còn phải nộp đầu kỳ	40	0	6.802.916.877
2. Thuế GTGT đầu ra phát sinh	41	11.839.956.636	20.113.239.194
3. Thuế GTGT đầu vào đã khấu trừ	42	11.839.956.636	15.281.445.348
4. Thuế GTGT hàng bán bị trả lại, bị giảm giá	43	0	0
5. Thuế GTGT được giảm trừ vào số thuế phải nộp	44	0	0
6. Thuế GTGT hàng bán nội địa đã nộp vào Ngân sách Nhà nước	45	0	11.634.710.723
7. Thuế GTGT hàng bán nội địa còn phải nộp cuối kỳ	46	0	0

Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2011

LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC

BÙI THANH TUẤN

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 7, nhà G10, đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Năm 2010

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty Cổ phần
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Xây lắp, thương mại, dịch vụ, kinh doanh bất động sản
3. **Hoạt động kinh doanh chính trong năm** : Kinh doanh bất động sản gồm: Đầu tư tạo lập nhà để bán, cho thuê; nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, đầu tư công trình để chuyển nhượng.
4. **Nhân viên**
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 Công ty có 37 nhân viên đang làm việc (cuối năm trước là nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.
2. **Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**
Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.
3. **Hình thức kế toán áp dụng**
Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung trên máy vi tính.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 7, nhà G10, đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính tổng hợp của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá trị hàng tồn kho cuối năm được tính theo phương pháp giá đích danh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất năm khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 7, nhà G10, đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10
Máy móc thiết bị	6
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	7
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 4

6. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phân ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

7. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Công ty được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến việc hình thành bất động sản trong giai đoạn xây dựng cơ bản được phản ánh vào Tài khoản 241 – Chi phí xây dựng cơ bản dở dang.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất năm khoản lãi lỗ nào phát sinh đều được hạch toán vào thu nhập hay chi phí.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

8. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

9. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty liên kết và các công ty khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 7, nhà G10, đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

10. Chi phí trả trước dài hạn

Là chi phí cho việc sử dụng thương hiệu Sông Đà được xác định khi góp vốn thành lập Công ty, được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm.

11. Chi phí phải trả.

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho khối lượng xây lắp đã hoàn thành, các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

12. Trích lập quỹ dự phòng trợ mất việc làm

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc, mất việc cho người lao động đối với thời gian đã làm việc tại Công ty trước ngày 01 tháng 01 năm 2009. Mức trích dự phòng trợ mất việc làm là 3% quỹ lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí theo hướng dẫn tại Thông tư 82/2003/TT-BTC ngày 14 tháng 8 năm 2003 của Bộ Tài chính. Trường hợp quỹ dự phòng trợ mất việc làm không đủ để chi trợ cấp cho người lao động thôi việc, mất việc trong năm thì phần chênh lệch thiếu được hạch toán vào chi phí.

13. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Vốn khác: hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

14. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

15. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25% trên thu nhập chịu thuế.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 7, nhà G10, đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

16. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, sản phẩm

Doanh thu bán hàng hoá, sản phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hoá, sản phẩm đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại..

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều năm kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

Doanh thu kinh doanh bất động sản:

- √ Doanh thu kinh doanh bất động sản thuộc “tòa nhà hỗn hợp Sông Đà – Hà Đông” gồm:
 - Doanh thu bán nhà: được ghi nhận theo tỷ lệ phần trăm (%) giữa chi phí thực tế phát sinh của phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định so với tổng chi phí dự toán đã được duyệt của dự án và ghi lần cuối cùng khi bàn giao nhà.
 - Doanh thu cho thuê bất động sản: được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê
- √ Doanh thu kinh doanh bất động sản thuộc dự án tại khu đô thị An Khánh gồm:
 - Doanh thu chuyển quyền sử dụng đất được ghi nhận khi ký hợp đồng mua bán và người mua đã nộp phần lớn tiền chuyển quyền sử dụng đất;
 - Doanh thu bán nhà trên đất được ghi nhận khi bàn giao nhà.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng năm.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

17. Báo cáo theo bộ phận

Trong năm, Công ty chỉ kinh doanh một lĩnh vực bất động sản tại một khu vực địa lý nên không lập báo cáo theo bộ phận.

18. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mỗi quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.1.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 7, nhà G10, đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	723.173.401	252.399.832
Tiền gửi ngân hàng	6.753.489.830	5.642.053.118
Các khoản tương đương tiền	37.350.000.000	41.600.000.000
- Tiền gửi có hạn kỳ từ 3 tháng trở xuống	<u>37.350.000.000</u>	<u>41.600.000.000</u>
Cộng	<u>44.826.663.231</u>	<u>47.494.452.950</u>

2. Đầu tư ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị</u>
Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn		1.261.496.726		4.088.893.970
- Công ty CP Đầu tư và Phát triển đô thị Long Giang (LGL)	3.000	40.000.000	5.000	264.708.500
- Tổng Công ty CP Đầu tư Phát triển Xây dựng (DIG)	30.008	1.220.837.871	5.000	744.404.410
- Công ty CP Sông Đà 2 (SD2)	20	658.855	33.300	1.402.590.560
- Công ty CP Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp Sông Đà (SJS)		-	2.000	157.235.500
- Công ty CP Cao su Đà Nẵng (DRC)		-	10.000	1.519.955.000
Đầu tư ngắn hạn khác		69.255.833.333		-
- Cho Công ty Cổ phần xây dựng và kinh doanh vật tư CNT vay, lãi suất 14%/năm		35.100.000.000		-
- Ủy thác đầu tư vốn cho Công ty Tài chính Cổ phần Sông Đà, lãi suất thay đổi từng kỳ		30.155.833.333		-
- Cho Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư SDU vay với lãi suất 14,5%/năm		<u>4.000.000.000</u>		-
Cộng		<u>70.517.330.059</u>		<u>4.088.893.970</u>

Lý do thay đổi các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn: do mua bán trên thị trường chứng khoán

3. Phải thu khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dự án Tòa nhà Sông Đà - Hà Đông	22.286.980.419	10.630.380.010
Dự án An Khánh	28.124.382.676	
Cộng	<u>50.411.363.095</u>	<u>10.630.380.010</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 7, nhà G10, đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

4. Các khoản phải thu khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
BHXH, BHYT phải thu người lao động	26.893.800	14.312.975
Công ty Cổ phần điện Đông Dương tiền khảo sát quy hoạch dự án thủy điện Hà Giang	3.500.000.000	3.500.000.000
Thuế thu nhập cá nhân phải thu người lao động Tập đoàn Sông Đà	909.448.509	1.277.059.509
Tạm chi quỹ phúc lợi	-	522.975.964
Tiền bán chứng khoán ngắn hạn chưa thu	-	1.252.500.000
Cổ tức chứng khoán ngắn hạn	-	74.460.000
Dự thu lãi cho vay, lãi ủy thác đầu tư vốn	4.267.224.178	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển nhà Gia Bảo tiền thanh lý hợp đồng góp vốn	3.043.971.349	-
Các khoản phải thu khác	638.282.966	26.877.505
Cộng	<u>12.385.820.802</u>	<u>6.697.622.724</u>

5. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	19.289.849.675	
Hàng hóa bất động sản	164.509.367.643	
Cộng	<u>183.799.217.318</u>	<u>-</u>

6. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công cụ dụng cụ	43.570.628	148.061.426
Chi phí sửa chữa văn phòng làm việc	30.085.000	
Cộng	<u>73.655.628</u>	<u>148.061.426</u>

7. Tài sản ngắn hạn khác

Là số tiền còn tạm ứng cho CBNV

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 7, nhà G10, đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	1.235.716.000	118.000.000	1.014.301.091	264.640.906	2.632.657.997
Tăng trong năm do mua sắm mới			3.365.069.091	113.587.273	3.478.656.364
Giảm trong năm					
Số cuối năm	1.235.716.000	118.000.000	4.379.370.182	378.228.179	6.111.314.361
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	247.143.200	37.366.673	374.325.378	164.440.134	823.275.385
Khấu hao trong năm	123.567.800	23.600.004	385.262.232	81.813.602	614.243.638
Số cuối năm	370.711.000	60.966.677	759.587.610	246.253.736	1.437.519.023
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	988.572.800	80.633.327	639.975.713	100.200.772	1.809.382.612
Số cuối năm	865.005.000	57.033.323	3.619.782.572	131.974.443	4.673.795.338

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công trình tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông	43.925.321.318	23.909.063.468
Dự án khu dân cư An Phú - Nam Sài Gòn		2.591.818.182
Tòa nhà hỗn hợp bến xe Hà Đông		143.174.710
Dự án khu đô thị mới Bàu ốc hạ - Hội An		13.636.364
Công trình tòa nhà G9, G10		32.144.000
Dự án khu chung cư & TMDV Trung Mỹ Tây Q12 - TPHCM		27.000.000
Dự án khu đô thị mới Nam An Khánh		130.276.160.000
Khu tập thể Văn hóa TT phường Hiệp Thành		6.000.000
Dự án khu tập thể X1 - 26 Liễu Giai - Hà Nội		515.641.208
Dự án 44 ngõ 260 Đội Cấn		44.264.986
Dự án cải tạo tập thể VPCP 222A Đội Cấn		522.280.602
Dự án cải tạo khu tập thể Phương Mai		1.030.427.810
Các công trình khác		503.439.231
Cộng	43.925.321.318	159.615.050.561

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 7, nhà G10, đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

10. Đầu tư vào công ty liên kết

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Đô thị Bắc Hà ^(a)	520.000	5.200.000.000	200.000	2.000.000.000
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư SDU ^(b)	300.000	3.000.000.000		
Cộng		8.200.000.000		2.000.000.000

(a) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103025880 ngày 16 tháng 7 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, Công ty đầu tư vào Công ty cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Đô thị Bắc Hà 2.000.000.000 VND, tương đương 20% vốn điều lệ. Trong năm, Công ty cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Đô thị Bắc Hà tăng vốn điều lệ từ 10.000.000.000 VND lên 20.000.000.000 VND và Công ty đã đầu tư thêm 3.200.000.000 VND. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã đầu tư 5.200.000.000 VND, tương đương 26% vốn điều lệ (số đầu năm là 2.000.000.000 VND, tương đương 20% vốn điều lệ).

(b) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 01041775717 ngày 29 tháng 6 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, Công ty đầu tư vào Công ty cổ phần Tư vấn Đầu tư SDU 3.000.000.000 VND, tương đương 30% vốn điều lệ. Trong năm Công ty đã đầu tư 3.000.000.000 VND. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã đầu tư 3.000.000.000 VND, tương đương 30% vốn điều lệ.

11. Đầu tư dài hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
<u>Đầu tư cổ phiếu</u>		8.323.636.364		9.512.727.273
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Miền Trung	700.000	8.323.636.364	800.000	9.512.727.273
<u>Góp vốn</u>		18.200.000.000		4.200.000.000
Công ty Cổ phần nhiệt điện Vũng Áng II	120.000	1.200.000.000	120.000	1.200.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư đô thị và Khu công nghiệp Sông Đà 7	300.000	3.000.000.000	300.000	3.000.000.000
Công ty Cổ phần Phát triển đô thị và Khu công nghiệp Sông Đà Miền Trung	1.000.000	10.000.000.000		
Công ty cổ phần Sông Đà Hà Nội	400.000	4.000.000.000		
<u>Ủy thác đầu tư</u>		48.840.000.000		
Ủy thác cho Tập đoàn Sông Đà để đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư đô thị Xi măng Hải Phòng	2.400.000	25.200.000.000		
Ủy thác cho Công ty cổ phần Sông Đà 27 để đầu tư vào Công ty Cổ phần Phát triển đô thị và Khu công nghiệp Sông Đà Miền Trung	1.800.000	18.640.000.000		
Ủy thác cho Công ty cổ phần	500.000	5.000.000.000		

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 7, nhà G10, đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
PCCC và Đầu tư Xây dựng Sông Đà để đầu tư vào Công ty Cổ phần Phát triển đô thị và Khu công nghiệp Sông Đà Miền Trung				
<u>Đầu tư dài hạn khác</u>		<u>322.712.708.945</u>		<u>45.649.244.545</u>
Góp vốn đầu tư dự án "Tổ hợp cao ốc C&T Plaza" An Phú Quận II - TP HCM với Công ty cổ phần Xây dựng và Kinh doanh vật tư (CNT)		28.015.260.000		28.015.260.000
Góp vốn đầu tư dự án Tòa nhà hỗn hợp số 25 Tân Mai, Hoàng Mai, Hà Nội với Công ty cổ phần XNK Nông Lâm sản chế biến		54.363.101.784		9.783.984.545
Dự Án Giảng Võ Hà Nội				7.850.000.000
Góp vốn đầu tư dự án " Khu công viên văn hóa - Du lịch - Thể thao" phía Nam đường Tạ Quang Bửu, quận 8, thành phố Hồ Chí Minh với Công ty TNHH TM-DV-XD kinh doanh nhà Vạn Thái		240.334.347.161		
Cộng		<u>398.076.345.309</u>		<u>59.361.971.818</u>

Lý do thay đổi các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác:

- Cổ phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Miền Trung giảm do bán 100.000 cổ phiếu.
- Dự án Giảng Võ Hà Nội giảm do thanh lý hợp đồng hợp tác kinh doanh.

12. Chi phí trả trước dài hạn

Là chi phí thương hiệu Sông Đà

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	1.624.999.999	3.291.666.666
Phát sinh tăng trong năm		
Kết chuyển vào chi phí SXKD trong năm	<u>(1.624.999.999)</u>	<u>(1.666.666.667)</u>
Số cuối năm	<u>-</u>	<u>1.624.999.999</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 7, nhà G10, đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**13. Vay và nợ ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng	104.964.704.901	6.716.429.000
- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển chi nhánh Hà Tây		6.716.429.000
- Ngân hàng TMCP Liên Việt chi nhánh Thăng Long ^(a)	54.823.237.661	-
- Ngân hàng TMCP Quân đội ^(b)	50.141.467.240	
Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác ^(c)	142.688.309.413	-
- Vay Bà Phạm Thị Minh Hương	2.480.000.000	
- Vay Bà Trịnh Thị Khải	16.270.823.879	
- Vay Ông Lê Ngọc Anh	7.016.272.201	
- Vay Bà Trần Thị Việt Nga	16.921.213.333	
- Vay Công ty Tài chính cổ phần Sông Đà	100.000.000.000	
Cộng	<u>247.653.014.314</u>	<u>6.716.429.000</u>

(a) Khoản vay Ngân hàng TMCP Liên Việt chi nhánh Thăng Long để bổ sung vốn lưu động thực hiện dự án “Tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông”. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền đòi nợ các khoản phải thu khách hàng mua 215 căn hộ thuộc tòa nhà hỗn hợp Sông Đà – Hà Đông, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội và quyền yêu cầu các đối tác góp vốn Dự án Khu dịch vụ Thương mại Văn phòng và Nhà ở tại địa chỉ số 25 Tân Mai, phường Tân Mai, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

(b) Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân đội để bổ sung vốn lưu động thực hiện dự án “Tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông”. Khoản vay này được đảm bảo bằng toàn bộ phần tài sản và các quyền tài sản hợp pháp của SDU hình thành từ việc hợp tác đầu tư với Công ty Cổ phần XNK Nông lâm sản chế biến tại dự án chung cư 25 Tân Mai và toàn bộ nguồn thu phát sinh từ các Hợp đồng góp vốn đầu tư của các cá nhân góp vốn đầu tư dự án chung cư 25 Tân Mai đã ký kết với SDU.

(c) Vay các cá nhân khác theo lãi suất 12%/năm thay đổi theo từng kỳ, không áp dụng các biện pháp đảm bảo tiền vay.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay như sau:

	<u>Vay ngắn hạn ngân hàng</u>	<u>Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác</u>	<u>Cộng</u>
Số đầu năm	6.716.429.000	-	6.716.429.000
Số tiền vay phát sinh	129.907.454.951	162.980.000.000	292.887.454.951
Lãi nhập gốc	-	2.708.309.413	2.708.309.413
Số tiền vay đã trả	<u>(31.659.179.050)</u>	<u>(23.000.000.000)</u>	<u>(54.659.179.050)</u>
Số cuối năm	<u>104.964.704.901</u>	<u>142.688.309.413</u>	<u>247.653.014.314</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 7, nhà G10, đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế GTGT hàng bán nội địa	6.802.916.877	4.831.793.846	11.634.710.723	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	10.795.399.528	13.156.786.449	18.357.783.804	5.594.402.173
Thuế thu nhập cá nhân	33.098.075	354.081.677	347.253.316	39.926.436
Thuế nhà đất	-	45.107.000	45.107.000	-
Các loại thuế khác	-	5.000.000	5.000.000	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	2.420.250.676	-	2.420.250.676
Cộng	17.631.414.480	20.813.019.648	30.389.854.843	8.054.579.285

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 25%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Kinh doanh BĐS	Kinh doanh khác	Tổng cộng
Doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ	252.265.261.662		252.265.261.662
Giá vốn	189.202.112.268		189.202.112.268
Chi phí quản lý	13.184.616.927		13.184.616.927
Chi phí bán hàng	3.214.189.200		3.214.189.200
Doanh thu tài chính		10.777.431.115	10.777.431.115
<i>Trong đó: Lãi tiền gửi, lãi cho vay</i>		6.607.067.997	6.607.067.997
<i>Cổ tức</i>		1.162.531.400	1.162.531.400
Chi phí tài chính	10.172.538.671	6.711.449.246	16.883.987.917
<i>Trong đó: Lãi vay</i>	10.172.538.671	6.607.067.997	16.779.606.668
Doanh thu tính thuế TNDN	252.265.261.662	4.170.363.118	256.435.624.780
Tổng chi phí SXKD	215.773.457.066	104.381.249	215.877.838.315
Lợi nhuận thuần từ SXKD	36.491.804.596	4.065.981.869	40.557.786.465
Lợi nhuận khác		(2.393.750.676)	(2.393.750.676)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	36.491.804.596	1.672.231.193	38.164.035.789
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:			
- Các khoản điều chỉnh tăng	2.363.076.363	2.420.250.676	4.783.327.039
- Các khoản điều chỉnh giảm	(6.438.612.379)	(1.162.531.400)	(7.601.143.779)
Thu nhập chịu thuế	32.416.268.580	2.929.950.469	35.346.219.049
Lỗi các năm trước được chuyển		(7.185.578.714)	(7.185.578.714)
Thu nhập tính thuế	32.416.268.580	(4.255.628.245)	28.160.640.335
Thuế suất thuế TNDN	25%	25%	
Thuế TNDN phải nộp theo thuế suất phổ thông	8.104.067.145	-	8.104.067.145
Điều chỉnh thuế TNDN phải nộp của các năm trước	5.052.719.304		5.052.719.304
Tổng thuế TNDN phải nộp	13.156.786.449	-	13.156.786.449

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 7, nhà G10, đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**Thuế nhà đất**

Thuế nhà đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

15. Chi phí phải trả

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí công trình	7.417.063.150	23.295.816.238
Chi phí lãi vay phải trả	1.309.223.658	
Chi phí giao dịch BĐS	3.214.189.200	
Cộng	<u>11.940.476.008</u>	<u>23.295.816.238</u>

16. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Kinh phí công đoàn	132.771.773	12.299.520
Bảo hiểm xã hội	36.387.700	734.500
Bảo hiểm y tế	7.402.887	110.175
Bảo hiểm thất nghiệp	3.241.191	-
Tập đoàn Sông Đà - tiền điện, nước	-	71.710.000
Các quỹ Sông Đà	172.272.579	42.147.255
Cổ tức phải trả	5.000.000.000	-
Nhận tiền góp vốn đầu tư dự án tòa nhà 25 Tân Mai	21.192.880.000	19.930.280.000
Nhận tiền góp vốn đầu tư dự án Nam An Khánh	171.703.832.121	110.264.472.500
Các khoản phải trả khác	1.578.928.692	237.661.906
Cộng	<u>199.827.716.943</u>	<u>130.559.415.856</u>

17. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Quỹ khen thưởng</u>	<u>Quỹ phúc lợi</u>	<u>Cộng</u>
Số đầu năm			
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	5.000.000.000	5.000.000.000	10.000.000.000
Tăng khác	20.000.000	-	20.000.000
Chi quỹ trong năm nay	-	(1.106.288.500)	(1.106.288.500)
Chi quỹ trong năm trước	-	(522.975.864)	(522.975.864)
Số cuối năm	<u>5.020.000.000</u>	<u>3.370.735.636</u>	<u>8.390.735.636</u>

18. Phải trả dài hạn khác

Là khoản nhận đặt cọc tiền thuê nhà tại tòa nhà Sông Đà - Hà Đông

19. Dự phòng trợ cấp mất việc làm

	<u>Năm nay</u>
Số đầu năm	29.155.238
Số trích lập trong năm nay	50.997.171
Số đã chi	-
Số cuối năm	<u>80.152.409</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 7, nhà G10, đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**20. Vốn chủ sở hữu****Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	100.000.000.000					6.446.880.893	106.446.880.893
Lợi nhuận trong năm trước						51.825.875.956	51.825.875.956
Trích lập các quỹ trong năm trước			802.880.893	322.000.000		(1.446.880.893)	(322.000.000)
Chia cổ tức trong năm trước						(20.000.000.000)	(20.000.000.000)
Số dư cuối năm trước	100.000.000.000	-	802.880.893	322.000.000	-	36.825.875.956	137.950.756.849
Số dư đầu năm nay	100.000.000.000	-	802.880.893	322.000.000	-	36.825.875.956	137.950.756.849
Cổ đông góp vốn trong năm	100.000.000.000	100.000.000.000					200.000.000.000
- Trong đó góp bằng tiền	100.000.000.000	100.000.000.000					200.000.000.000
Lợi nhuận trong năm nay						25.007.249.340	25.007.249.340
Trích lập các quỹ trong năm nay			16.645.875.956	2.590.000.000	2.590.000.000	(31.825.875.956)	(10.000.000.000)
Chia cổ tức trong năm nay						(5.000.000.000)	(5.000.000.000)
Chi phí liên quan đến tăng vốn		(151.111.000)					(151.111.000)
Số dư cuối năm nay	200.000.000.000	99.848.889.000	17.448.756.849	2.912.000.000	2.590.000.000	25.007.249.340	347.806.895.189

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 7, nhà G10, đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vốn đầu tư của Nhà nước	60.000.000.000	30.000.000.000
Vốn góp của các cổ đông khác	140.000.000.000	70.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	99.848.889.000	
Cổ phiếu quỹ	-	
Cộng	<u>299.853.889.000</u>	<u>100.000.000.000</u>

Cổ tức

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 28 tháng 4 năm 2010 thì cổ tức năm 2009 là 20%, đã tạm ứng cổ tức trong năm 2009 là 15%, số còn lại 5% đang được phản ánh là khoản nợ phải trả trên Báo cáo tài chính năm 2010, số tiền 5.000.000.000 đồng.

Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	20.000.000	10.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	20.000.000	10.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	20.000.000	10.000.000
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>		
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>		
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	20.000.000	10.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	20.000.000	10.000.000
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>		

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ trong năm là doanh thu kinh doanh bất động sản.

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tòa nhà Sông Đà - Hà Đông	106.166.436.372	210.497.809.310
Dự án Nam An Khánh	146.099.509.091	-
Cộng	<u>252.265.945.463</u>	<u>210.497.809.310</u>

2. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm là giá vốn của hoạt động kinh doanh bất động sản.

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tòa nhà Sông Đà - Hà Đông	68.435.907.979	164.383.079.583
Dự án Nam An Khánh	120.766.204.289	-
Cộng	<u>189.202.112.268</u>	<u>164.383.079.583</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 7, nhà G10, đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi	2.940.447.499	5.690.927.104
Lãi cho vay	3.666.620.498	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.162.531.400	1.021.460.000
Lãi kinh doanh chứng khoán	1.354.831.260	-
Lãi chậm thanh toán tiền mua nhà	1.653.000.458	-
Doanh thu khác	-	2.109.418.330
Cộng	<u>10.777.431.115</u>	<u>8.821.805.434</u>

4. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	16.779.606.668	60.385.414
Lỗ kinh doanh chứng khoán	447.663.500	-
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	(384.663.500)	(16.349.452.103)
Chi phí tài chính khác	41.381.249	116.318.834
Cộng	<u>16.883.987.917</u>	<u>(16.172.747.855)</u>

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nhân viên quản lý	7.280.121.635	6.083.491.046
Chi phí vật liệu quản lý	335.717.599	271.227.830
Chi phí đồ dùng văn phòng	206.622.168	253.281.820
Chi phí khấu hao TSCĐ	614.243.638	485.378.011
Thuế, phí và lệ phí	52.275.646	1.724.341.838
Chi phí dịch vụ mua ngoài	724.039.453	1.028.849.848
Chi phí bằng tiền khác	3.971.596.788	1.048.414.828
Cộng	<u>13.184.616.927</u>	<u>10.894.985.217</u>

6. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	25.007.249.340	51.825.875.956
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông		
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	25.007.249.340	51.825.875.956
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	13.138.889	10.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>1.903</u>	<u>5.183</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 7, nhà G10, đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	10.000.000	10.000.000
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại		
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành trong năm	3.138.889	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	<u>13.138.889</u>	<u>10.000.000</u>

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền lương	1.166.792.977	1.055.433.613
Phụ cấp	646.000.000	361.083.333
Tiền thưởng	242.301.114	75.580.380
Cộng	<u>2.055.094.091</u>	<u>1.492.097.326</u>

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tập đoàn Sông Đà	Công ty góp vốn
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị Bắc Hà	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư SDU	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Phòng cháy chữa cháy và Đầu tư xây dựng Sông Đà	Công ty con cùng Tập đoàn Sông Đà
Công ty Cổ phần Sông Đà - Hà Nội	Công ty con cùng Tập đoàn Sông Đà
Công ty Tài chính Cổ phần Sông Đà	Công ty con cùng Tập đoàn Sông Đà
Công ty Cổ phần Sông Đà 27	Công ty con cùng Tập đoàn Sông Đà
Công ty Cổ phần ĐTPT Đô thị và KCN Sông Đà	Công ty cùng Tập đoàn Sông Đà

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 7, nhà G10, đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Các nghiệp vụ phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tập đoàn Sông Đà		
Phải trả tiền thuê điện nước và trụ sở	295.901.000	338.104.000
Bù trừ công nợ phải thu phải trả	367.611.000	-
Chuyển tiền góp vốn đầu tư ủy thác qua Tập đoàn	25.200.000.000	13.700.000.000
Phải thu lãi vay vốn lưu động		2.140.492.781
Điều chuyển chi phí dự án khách sạn BXD sang Tổng Công ty Sông Đà		1.310.811.730
Nhận tiền mua cổ phiếu phát hành thêm	60.000.000.000	
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Đô thị Bắc Hà		
Phải trả tiền KLXL dự án Sông Đà - Hà Đông	54.123.133.598	92.538.521.074
Thanh toán tiền KLXL hoàn thành	52.251.201.600	
Góp vốn vào Bắc Hà	3.200.000.000	
Nhận cổ tức năm 2009 từ Bắc Hà	200.000.000	
Phải thu tiền bán căn hộ - tòa nhà Sông Đà - Hà Đông	10.257.300.000	
Thu tiền bán căn hộ - tòa nhà Sông Đà - Hà Đông	10.257.300.000	
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư SDU		
Phải trả tiền KLXL dự án Sông Đà - Hà Đông	17.336.440.653	
Phải trả tiền KLXL dự án Nam An Khánh	11.096.728.931	
Thanh toán tiền KLXL hoàn thành	7.323.462.000	
Góp vốn điều lệ bằng tiền	3.000.000.000	
Phải thu tiền bán căn hộ - tòa nhà Sông Đà - Hà Đông	6.159.600.000	
Thu tiền bán căn hộ - tòa nhà Sông Đà - Hà Đông	3.000.000.000	
Cho vay vốn lưu động	4.000.000.000	
Phải thu lãi vay vốn lưu động	187.591.098	
Công ty Cổ phần Phòng cháy chữa cháy và Đầu tư Xây dựng Sông Đà		
Tạm ứng tiền thi công công trình		1.381.804.000
Phải trả tiền KLXL dự án Sông Đà - Hà Đông	5.903.820.143	
Thanh toán tiền KLXL hoàn thành	2.000.000.000	
Ủy thác đầu tư vào Công ty Cổ phần ĐTPPT đô thị và KCN Sông Đà miền Trung	5.000.000.000	
Công ty Cổ phần Sông Đà Hà Nội		
Góp vốn điều lệ bằng tiền	4.000.000.000	
Công ty Tài chính Cổ phần Sông Đà		
Gửi tiền có kỳ hạn	40.000.000.000	
Rút tiền gửi	9.844.166.667	
Thu lãi tiền gửi	405.572.547	
Vay vốn lưu động	100.000.000.000	
Trả lãi vay	7.344.244.446	
Công ty Cổ phần Sông Đà 27		
Ủy thác đầu tư vào Công ty CP ĐTPPT đô thị và KCN Sông Đà miền Trung	18.640.000.000	

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 7, nhà G10, đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp Sông Đà		
Phải trả tiền mua đất dự án Nam An Khánh	301.380.800.000	
Đã trả tiền mua đất dự án Nam An Khánh	171.104.640.000	
Trả trước tiền mua đất dự án Nam An Khánh		130.276.160.000
Tại ngày kết thúc năm kế toán, công nợ với các bên liên quan khác như sau:		
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tổng Công ty Sông Đà		
Phải thu khoản tiền điều chuyển chi phí dự án khách sạn BXD sang Tổng Công ty Sông Đà	909.448.509	1.277.059.509
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Đô thị Bắc Hà		
Tiền ứng KLXL công trình		1.675.143.789
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư SDU		
Tiền bán căn hộ - tòa nhà Sông Đà - Hà Đông	3.159.600.000	
Tiền gốc vay và lãi vay	4.187.591.098	
Công ty Cổ phần Phòng cháy chữa cháy và Đầu tư Xây dựng Sông Đà		
Tiền ứng KLXL công trình		1.381.804.000
Công ty Tài chính Cổ phần Sông Đà		
Gửi tiền có kỳ hạn	30.155.833.333	
Cộng nợ phải thu	<u>38.412.472.940</u>	<u>4.334.007.298</u>
Tổng Công ty Sông Đà		
Phải trả tiền điện nước, thuê trụ sở	-	71.710.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Đô thị Bắc Hà		
Tiền KLXL hoàn thành dự án Sông Đà - Hà Đông	196.788.209	
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư SDU		
Tiền KLXL hoàn thành dự án Sông Đà - Hà Đông	21.109.707.584	
Công ty Cổ phần Phòng cháy chữa cháy và Đầu tư Xây dựng Sông Đà		
Tiền KLXL hoàn thành dự án Sông Đà - Hà Đông	2.522.016.143	
Công ty Tài chính Cổ phần Sông Đà		
Tiền vay vốn lưu động	100.000.000.000	
Cộng nợ phải trả	<u>123.828.511.936</u>	<u>71.710.000</u>

Các khoản công nợ phải thu không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu từ các bên liên quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 7, nhà G10, đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

2. Thay đổi chính sách kế toán và các sai sót

Thay đổi chính sách kế toán

Năm 2010, trong phạm vi có liên quan, Công ty áp dụng các qui định tại Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp.

Ngoài ra, ngày 06 tháng 11 năm 2009 Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính. Các yêu cầu của Thông tư này sẽ được áp dụng trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính từ năm 2011 trở đi.

3. Thông tin khác

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán được lấy theo số liệu trên Báo cáo tài chính năm 2009 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH kiểm toán ASNAF Việt Nam.

Người lập

Kế toán trưởng

Lập, ngày 30 tháng 3 năm 2011

Phó Tổng Giám đốc

Bùi Thanh Tuấn

Chu Thế Quang

Lê Tùng Hoa

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 7, nhà G10, đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	
			Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		399.180.165.260	92.603.581.193
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	44.826.663.231	47.494.452.950
1. Tiền	111		7.476.663.231	5.894.452.950
2. Các khoản tương đương tiền	112		37.350.000.000	41.600.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		70.517.330.059	3.704.230.470
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	70.517.330.059	4.088.893.970
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	(384.663.500)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		68.734.701.436	28.412.769.162
1. Phải thu khách hàng	131	V.3	50.411.363.095	10.630.380.010
2. Trả trước cho người bán	132		5.937.517.539	11.084.766.428
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.4	12.385.820.802	6.697.622.724
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		183.799.217.318	-
1. Hàng tồn kho	141	V.5	183.799.217.318	-
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		31.302.253.216	12.992.128.611
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.6	73.655.628	148.061.426
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		21.279.914.230	4.272.561.849
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.7	9.948.683.358	8.571.505.336

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 7, nhà G10, đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		454.875.461.965	224.411.404.990
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		48.599.116.656	161.424.433.173
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	4.673.795.338	1.809.382.612
<i>Nguyên giá</i>	222		6.111.314.361	2.632.657.997
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(1.437.519.023)	(823.275.385)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
<i>Nguyên giá</i>	228		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		-	-
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.9	43.925.321.318	159.615.050.561
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		406.276.345.309	61.361.971.818
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.10	8.200.000.000	2.000.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.11	398.076.345.309	59.361.971.818
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		-	1.624.999.999
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.12	-	1.624.999.999
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		854.055.627.225	317.014.986.183

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 7, nhà G10, đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		506.248.732.036	179.064.229.334
I. Nợ ngắn hạn	310		498.470.782.427	178.981.074.096
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.13	247.653.014.314	6.716.429.000
2. Phải trả người bán	312		21.527.050.349	192.788.410
3. Người mua trả tiền trước	313		-	-
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.14	8.054.579.285	17.631.414.480
5. Phải trả người lao động	315		1.077.209.892	585.210.112
6. Chi phí phải trả	316	V.15	11.940.476.008	23.295.816.238
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.16	199.827.716.943	130.559.415.856
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.17	8.390.735.636	-
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	330		7.777.949.609	83.155.238
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333	V.18	7.697.797.200	54.000.000
4. Vay và nợ dài hạn	334		-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	V.19	80.152.409	29.155.238
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		347.806.895.189	137.950.756.849
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.20	347.806.895.189	137.950.756.849
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		200.000.000.000	100.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		99.848.889.000	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		17.448.756.849	802.880.893
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		2.912.000.000	322.000.000
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		2.590.000.000	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		25.007.249.340	36.825.875.956
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		854.055.627.225	317.014.986.183

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 7, nhà G10, đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

CHỈ TIÊU	Thuyết minh		
		<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại:			
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Lập ngày 30 tháng 03 năm 2011

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Phó Tổng Giám đốc

Bùi Thanh Tuấn

Chu Thế Quang

Lê Tùng Hoa